

TƯ TƯỞNG CANH TÂN Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

một biểu hiện độc đáo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam

TS TRẦN THỊ HOA

Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh

1. Dẫn nhập

Yêu nước là tư tưởng và tình cảm phổ quát của nhân dân mọi quốc gia, mọi dân tộc trên thế giới. Do đó, V.I. Lênin đã khẳng định rằng yêu nước là: “một trong những tình cảm sâu sắc nhất, đã được củng cố qua hàng trăm hàng nghìn năm tồn tại của các tổ quốc biệt lập”¹. Tuy nhiên, nội dung và hình thức biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước như thế nào và chiều hướng phát triển ra sao lại tùy thuộc vào điều kiện lịch sử đặc thù của mỗi quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước không chỉ là tình cảm tự nhiên của con người mà nó còn là sản phẩm của bản thân lịch sử dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp đã biến Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trong bối cảnh ấy, các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mà tiêu biểu Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã nhận thức rõ yêu cầu khách quan của lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ là phải tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... làm cho đất nước phú cường, đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Qua đó, tư canh tân ở Việt Nam giai đoạn này là một biểu hiện độc đáo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

2. Nội dung

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược và đặt ách nô dịch, do đó, nội dung chủ yếu của chủ nghĩa yêu nước thời kỳ này được biểu hiện tập trung ở yêu cầu giải quyết vấn đề đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. Đó là vấn đề cấp thiết, chủ yếu có tính quyết định đối với vận mệnh đất nước, buộc các nhà tư tưởng phải đi tìm con đường, biện pháp để giải quyết. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX, đã có nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào yêu nước nổi lên quyết tâm đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc. Mặc dù các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại nhưng nó phản ánh tinh thần nồng nàn yêu nước của dân tộc Việt Nam, mỗi khi có quân giặc xâm lăng, dân tộc Việt Nam không chịu khuất phục, quyết tâm đứng lên đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Cùng với các phong trào yêu nước kháng Pháp nổ ra sục sôi trên cả nước, sự xuất hiện của tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX được xem là một biểu hiện độc đáo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Nếu như khởi nghĩa vũ trang là hình thức đấu tranh truyền thống của dân tộc Việt Nam mỗi khi đất nước bị xâm lăng thì việc đưa ra những tư tưởng cải cách đất nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội tạo nên sức mạnh

tổng hợp đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân là một hình thức đấu tranh hết sức mới mẻ, đầy tính sáng tạo của các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Nhận thức được sự yếu kém của Việt Nam cả về thể và lực so với Pháp và các nước khác, các nhà tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã khẳng định nhiệm vụ cấp bách phải làm là tiến hành cải cách đất nước về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, ngoại giao...

Về kinh tế, các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều khẳng định vai trò quan trọng của phát triển kinh tế trong việc làm cho dân giàu nước mạnh, tạo ra nguồn của cải dồi dào, tăng cường sức mạnh nội lực. Từ đó, họ đã đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm cải cách toàn diện nền kinh tế đất nước như chấn hưng nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích người dân tự do kinh doanh, buôn bán, mở rộng ngoại thương, tăng cường trao đổi hàng hóa với nước ngoài... Nguyễn Trường Tộ đã đưa ra 3 biện pháp cụ thể để khai thác các nguồn tài nguyên khoáng sản: *Thứ nhất*, cho các hội nước ngoài tự khai thác rồi ta thu lợi một phần và ông gọi đó là: “bán thời hạn cho họ”. *Thứ hai*, liên doanh với nước ngoài, “hai bên làm chung và khoán thuê mướn công nhân, nếu thương lượng ổn thỏa, thì làm cũng không có gì đáng ngại”. *Thứ ba*, nếu ta tự làm lấy thì “phải người đi học tập gấp... làm từ dễ đến khó... tuy như thế khó thu lợi lớn ngay, nhưng có điều hay là người mình tự làm lấy khỏi sinh nghi ngại”². Phan Bội Châu “hồ hào quốc dân” góp vốn làm ăn, mở mang thương điểm, lập ngân hàng: “Lấy tiền của mình đã tích trữ để hô hào quốc dân hoặc mở thương điểm hoặc lập ngân hàng, liên hiệp nhiều người góp vốn làm công lợi”³. Từ đó, ông đề cao vai trò của thương nghiệp và xem việc mở mang thương nghiệp, cổ động hàng nội hóa là một trong những biện pháp làm cho dân giàu. Có thể nói, tư tưởng canh tân về kinh tế của các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX tương đối hệ thống, đề cập đến nhiều vấn đề, bắt mạch đúng yêu cầu khách quan về phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn này.

Về chính trị - xã hội, tư tưởng canh tân giai đoạn này đã bước đầu giải quyết được một số vấn đề đặt ra lúc bấy giờ, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xã hội Việt Nam. Nguyễn Trường Tộ chủ trương duy trì chế độ phong kiến trung ương tập quyền và mong muốn xây dựng một thiết chế nhà nước vua sáng tôi hiền, trên dưới hòa mục: “Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước thì chỉ dùng người hiền, đã theo công lý giữ pháp luật thì lệnh trên sẽ hợp điển chế không ai dị nghị, sự nghiệp sẽ không suy đốn. Kẻ làm dân thấy thiên hạ ca tụng vua mình, so sánh người và ta thì hết lòng làm sao cho thiên hạ kính trọng vua mình hơn”⁴. Do đó, ông đã đưa ra một số biện pháp cải cách bộ máy hành chính như hợp tỉnh, huyện để tỉnh giản biên chế, giản lược thủ tục giấy tờ, quản lý xã hội bằng pháp luật; bổ sung, đào tạo lại đội ngũ quan lại có thực tài... nhằm mục đích củng cố và duy trì bộ máy nhà nước phong kiến và yêu cầu người dân phải “tôn quân”. Đặng Huy Trứ cũng chủ trương trung vua, do đó ông không đề cập đến vấn đề thay đổi thể chế chính trị. Tuy nhiên, Đặng Huy Trứ cho rằng, nhân dân chính là sức mạnh của đất nước cho nên, cần phải quan tâm, bồi bổ đến cái gốc là nhân dân: “Khí mạnh của nước là lấy dân làm gốc. Bồi bổ cái gốc đó mới là thầy thuốc giỏi”⁵. Còn Nguyễn Lộ Trạch cho rằng, về chính trị phải kịp thời sửa sang “chính - giáo”. Trong *Thiên hạ đại thế luận*, Nguyễn Lộ Trạch đã chỉ ra nguyên nhân thịnh suy, tồn vong của một quốc gia là ở vấn đề “chính giáo” (chính trị - giáo dục): “Sự còn mất của quốc gia là do chính trị - giáo dục, chứ không phải do mạnh - yếu, lớn - nhỏ. Chính trị giáo dục được sửa sang cất cử thì dầu nhỏ yếu cũng chưa thể mất được”⁶. Từ đó, ông nhấn mạnh vai trò của người cầm quyền trong việc đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn và phù hợp để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Nếu có đường lối chính trị đúng đắn và phù hợp thì đất nước sẽ thịnh trị. Ngược lại, nếu buông tuồng, ỷ lại thì dù nước mạnh cũng khó tránh khỏi nạn “chia năm xẻ bảy”. Do đó, Nguyễn Lộ Trạch cho rằng, để cứu nước lúc bấy giờ chỉ có hai con đường là trong nước thì “tự cường tự trị”, bên ngoài thì “tìm những nước thù địch với chúng (Pháp) mà giao thiệp để dò xét những chỗ yếu kém của chúng” lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước cường quốc mà đứng vững. Phan Châu Trinh chủ trương xây dựng

mô hình nhà nước được tổ chức và điều hành theo nguyên tắc cơ bản là “tam quyền phân lập”.

Tư tưởng canh tân về chính trị - xã hội thời kỳ này cho thấy, các nhà canh tân như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch và Phạm Phú Thứ chủ trương cải cách trong khuôn khổ của chế độ phong kiến; còn các nhà canh tân đầu thế kỷ XX như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã đứng trên lập trường của ý thức hệ dân chủ tư sản, chủ trương xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ tư sản.

Về văn hóa, giáo dục, xuất phát từ thực trạng trình độ dân trí của Việt Nam, các nhà tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã khẳng định vai trò quan trọng và tính cấp thiết của việc cải cách giáo dục. Trên cơ sở đó, các nhà canh tân đã đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp để cải cách và phát triển giáo dục. Nguyễn Trường Tộ đề xướng việc học thuật theo hướng thực dụng: “Cần phải tìm cái học thực dụng”, nghĩa là học ở vạn vật, bắt chước tạo vật: “Học tập tài nghệ là bắt chước theo các cách thức của tạo vật”⁷. Còn Đặng Huy Trứ chủ trương đào tạo những con người có những hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: “Lập cục dạy nghề, tuyển thiếu niên thông minh, rước người mời phương Tây đến dạy ngôn ngữ, văn tự, toán pháp, đồ họa để làm cơ sở cho việc chế tạo cơ khí đóng tàu thuyền”⁸. Nguyễn Lộ Trạch nhấn mạnh vai trò của việc học tập khoa học kỹ thuật phương Tây: “Nhiệm vụ cấp bách hiện nay, cốt nhiên không thể chậm trễ việc học kỹ thuật được”. Còn Phan Bội Châu chủ trương đổi mới toàn diện giáo dục từ cách thức mở trường đến nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy: “Học Trung Quốc, học Nhật Bản, học châu Âu, học đủ các điều... Học công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, nữ công, y thuật, lâm nghiệp...”⁹. Cùng với đó, Phan Bội Châu còn cho rằng phải có chính sách khuyến khích việc học tập ở nước ngoài: “Cấp học bổng xuất dương du học thật hậu để giúp đào tạo người tài cho đất nước thành công”. Bên cạnh đó, các nhà canh tân còn đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao trình độ văn hóa của người dân như lập nhà in, tự do xuất bản báo chí, sửa đổi phong tục tập quán... Phan Bội Châu cho rằng tự do

ngôn luận, tự do xuất bản báo chí, hội họp là một yêu cầu bức thiết trong phong trào dân chủ thời bấy giờ: “Cửa tự do rộng mở, báo chí tràn đường, tân thư đầy ngõ, đơn từ kiện cáo, bút lưỡi hùng đàm, luận bàn đủ việc nội trị ngoại giao”¹⁰. Còn Phan Châu Trinh cho rằng việc tiếp thu văn hóa cần có sự chọn lọc, tránh làm mất đi bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

Nhìn chung, các nhà canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều khẳng định tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc canh tân về văn hóa, giáo dục và đã đưa ra được nhiều biện pháp góp phần nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân.

Về quân sự, ngoại giao, trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nhà canh tân Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nhận thấy rõ sự yếu kém của quân đội Việt Nam và sức mạnh về vũ khí của Pháp thời kỳ đó. Do đó, các nhà canh tân giai đoạn này cho rằng nhiệm vụ cần kíp trước mắt là phải gấp rút chỉnh tu vũ bị, đầu tư trang thiết bị quân sự, mua sắm và chế tạo vũ khí... Nguyễn Trường Tộ đã đề xuất nhiều ý kiến về việc xây dựng chính sách quân sự như soạn binh thư, binh pháp mới, coi trọng người lính, có kế hoạch đào tạo cán bộ chỉ huy, chế tạo vũ khí... Nguyễn Lộ Trạch cho rằng, quân ta tuy đông nhưng không mạnh nên vấn đề trước tiên là phải xây dựng lại quân đội bằng cách chọn quân binh một cách nghiêm ngặt: “Thà có một người mà dùng được một người còn hơn có mười người mà không dùng được một”. Phạm Phú Thứ đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể nhằm củng cố và tăng cường sức mạnh quân đội. Trước hết, phải coi trọng người lính, tăng lương bổng cho các quan võ và lính: “... Thêm bổng lộc dưỡng nuôi để khuyến khích kẻ sĩ, chuyên trách tướng để làm mạnh binh. Bởi lộc không đủ thì hại dân, tướng không có quyền thì binh tan rã”. Đồng thời, phải mua vũ khí mới, đặt thêm Cục Cơ giới, tổ chức hội thao, tăng cường tổ chức luyện tập bắn súng, đặt lệ thưởng phạt để khuyến khích binh lính luyện tập. Còn Phan Bội Châu chủ trương xây dựng quân đội nhằm đánh đuổi thực dân Pháp để xây dựng một đất nước Việt Nam thống nhất, độc lập hoàn toàn, nhiều quan

điểm về xây dựng lực lượng vũ trang của Phan Bội Châu được thể hiện tập trung trong tác phẩm *Việt Nam Quang phục quân phương lược* như: “1- Tôn chỉ của bản quân; 2- Nghĩa vụ của bản quân; 3- Kỷ luật của bản quân; 4- Kế hoạch của bản quân”.

Bên cạnh đó, vấn đề ngoại giao chủ yếu là vấn đề đối phó với cuộc xâm lược của thực dân Pháp được xem là mối bận tâm lớn của các nhà canh tân giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. Nguyễn Trường Tộ chủ trương tạm thời thỏa hiệp với Pháp để tranh thủ thời gian canh tân đất nước, tìm kế dài lâu để đánh đuổi Pháp: “Sự thể hiện nay chỉ có hòa”. Từ đó, ông đã đệ trình lên triều đình các sách lược ngoại giao: *thứ nhất*, khai thác triệt để mâu thuẫn giữa Pháp và các nước khác như Anh, Xiêm; *thứ hai*, khai thác mâu thuẫn trong nội bộ người Pháp; *thứ ba*, khai thác sự đố kỵ, ganh ghét nhau giữa các nước lớn. Ngoài ra, trong các di thảo, Nguyễn Trường Tộ còn chỉ rõ cho triều đình về thông lệ ngoại giao quốc tế, cách thức cụ thể về ngoại giao... Còn lập trường ngoại giao của Phạm Phú Thứ là tạm thời “hòa” với Pháp để có thời gian canh tân đất nước, mở cửa bang giao với nước ngoài, học tập khoa học kỹ thuật của phương Tây, củng cố lực lượng và tính kế khôi phục đất nước. Đồng thời, Phạm Phú Thứ còn cho rằng, cần phải khai thác mâu thuẫn giữa Pháp và các nước khác mà ở đây là mâu thuẫn giữa các nước lớn Pháp và Anh cũng như khai thác mâu thuẫn trong nội bộ người Pháp. Phan Bội Châu chú trọng xây dựng mặt trận đoàn kết quốc tế với mục đích tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Năm 1908, Phan Bội Châu cùng các chí sĩ yêu nước và cách mạng người Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ... thành lập tổ chức *Đông Á đồng minh hội*. Bên cạnh hội *Đông Á đồng minh hội*, ông còn đứng ra thành lập hội *Chấn Hoa hưng Á* để liên hiệp những người cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam làm cho cách mạng Trung Quốc trở thành trung tâm cách mạng châu Á, sau đó cách mạng Trung Quốc sẽ viện trợ cho Việt Nam đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc. Ngoài ra, ông còn liên lạc với lưu học sinh ở Văn Nam và Quảng Tây lập ra hội *Điền - Quế - Việt liên minh*. Còn Phan Châu Trinh chủ trương thực

hiện đường lối ngoại giao dựa vào Pháp để nâng cao dân trí, chấn dân khí...; đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp và gây áp lực để đòi hỏi chính phủ Pháp phải thực hiện những cải cách về chính trị, giáo dục, kinh tế... từng bước đòi lại quyền lợi cho dân tộc: “Viết lên báo chương, trình bày nguyện vọng, kêu gọi các lý tưởng nhân đạo của nước Pháp... dựa vào những người Pháp Cộng hòa chân thành”¹¹.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, chính tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí chiến đấu cho độc lập dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân đã trở thành tiếng gọi thiêng liêng và là chỗ dựa tinh thần lớn lao, thúc đẩy các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đi tìm con đường cứu nước, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Trương Văn Chung và Đoàn Chính khăng định: “Tất cả những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước giai đoạn này đều phản ánh sự trăn trở của xã hội để tìm ra con đường giải phóng dân tộc, cứu dân tộc ta khỏi cảnh nô lệ”¹².

Đặc biệt, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn thể hiện rất rõ sự vận động và phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản. Tuy nhiên, thực trạng xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX và đặc biệt là sự xâm lược và công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho xã hội phong kiến Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Do đó, đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại chủ quyền độc lập, tự chủ, xây dựng và phát triển đất nước là vấn đề cấp bách. Và chính trong quá trình tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, các nhà canh tân đã kết hợp chủ nghĩa yêu nước truyền thống với chủ nghĩa nhân văn và các giá trị của trào lưu dân chủ tư sản phương Tây được du nhập vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Điều này cho thấy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, vượt lên trên chủ nghĩa yêu nước truyền thống mà chúng ta thường gọi là chủ nghĩa yêu nước phong kiến vốn gắn liền “trung quân” với “ái quốc” để đến chủ nghĩa yêu nước hiện đại với tinh thần nhân văn sâu sắc - đó là độc lập dân tộc và tự do cho Nhân dân.

Có thể nói, nội hàm tư tưởng canh tân của các nhà yêu nước, tiến bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ

XX đã mở ra những nhận thức, khái niệm, hoạt động thực tiễn mới mẻ, mang tính hiện đại. Đó là nhận thức về thân phận quốc gia nhược tiểu đang bị ngoại bang xâm lược, nô dịch; là khái niệm về quốc dân, đồng bào gắn liền với tự cường, dân trí, dân khí, dân sinh; là phải xắn tay kêu gọi chấn hưng kinh tế, phát triển giáo dục, mở rộng bang giao, kiến thiết quốc phòng, tiếp thu khoa học kỹ thuật... Nội hàm đó không chỉ bổ sung mà còn làm sâu sắc giá trị yêu nước, trở thành một biểu hiện độc đáo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

3. Kết luận

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trước sự xâm lược ngày càng mạnh mẽ của thực dân Pháp đã thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân Việt Nam ở khắp mọi miền đất nước. Với nhiều hình thức khác nhau, họ đã bày tỏ sự phẫn nộ của mình và khát vọng đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập cho dân tộc, cho đất nước. Góp vào tiếng nói chung ấy, tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một biểu hiện độc đáo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Những tư tưởng tiên bộ của Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... đã được các chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... kế thừa và phát triển tạo nên phong trào canh tân mạnh mẽ khắp cả nước, có tác dụng tích cực góp phần thức tỉnh

thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong nhân dân. Nhìn chung, tư tưởng canh tân ở Việt Nam giai đoạn này đã thể hiện rất rõ sự vận động và phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản, góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong Nhân dân. Mặc dù chỉ tồn tại trong xã hội Việt Nam thời gian ngắn và còn những hạn chế do điều kiện lịch sử - xã hội và quan điểm, lập trường giai cấp chế định, nhưng tư tưởng canh tân lúc bấy giờ đã góp phần giải quyết những yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra cho giai đoạn lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, t. 37, Nxb Tiến bộ, M, 1981, tr. 226.
- 2, 4, 7. Trương Bá Cần: *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*, Nxb TPHCM, 2002, tr. 332, 176, 223.
- 3, 9, 10. Phan Bội Châu: *Toàn tập*, t. 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000, tr. 80, 184, 257.
- 5, 8. Đặng Hưng Dzoanh, Bùi Văn Côn, Phạm Tuấn Khanh: *Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm*, Nxb TPHCM, 1990, tr. 284, 436.
6. Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang: *Nguyễn Lộ Trạch điều trần và thơ văn*, Nxb KHXH, H, 1995, tr. 138.
11. Phan Châu Trinh: *Toàn tập*, t. 3, Nxb Đà Nẵng, 2005, tr. 226.
12. Trương Văn Chung, Trịnh Doãn Chính: *Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb CTQG, H, 2005, tr. 98.

VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG VIỆC...

Tiếp theo trang 44

4. Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí về tỷ lệ hộ nghèo 2002 và 2004 theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/thong-cao-bao-chi-ve-ty-le-ho-ngheo-2002-va-2004-theo-chuan-ngheo-ap-dung-cho-giai-doan-2006-2010>, truy cập ngày 27-3-2023.
5. Tổng cục Thống kê và UNDP: *Nghèo đa chiều Việt Nam 2016 - 2020 - Tính toán sử dụng dữ liệu khảo sát mức sống dân cư theo phương pháp quốc tế*, Nxb Thống kê, H, 2021.
6. Báo Nhân Dân điện tử: *Toàn quốc có 4,3% hộ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo mới*, số ngày 04-05-2023. <https://nhandan.vn/toan-quoc-co-43-ho-ngheo-da-chieu-theo-chuan-ngheo-moi-post751051.html>, truy cập ngày 27-3-2023.
- 7, 8. Dữ liệu báo cáo hộ nghèo của 63 tỉnh/thành phố cập nhật vào ngày 31-12-2022 bởi Ngân hàng Chính sách xã hội, theo đó, tỉ lệ trung bình hộ nghèo của Trung du và miền núi phía Bắc được lấy từ 14

- tỉnh/thành phố, của Tây Nguyên từ 05 tỉnh/thành phố, của Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung từ tỉnh/thành phố.
9. Đỗ Văn Toàn: *Tác động của hoạt động tài chính vi mô đến sinh kế bền vững dưới cách tiếp cận công tác xã hội với cộng đồng (nghiên cứu trường hợp huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)* (Luận án tiến sĩ ngành Công tác xã hội, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN), 2021.
10. Bacque Marie - Helene et Biewener Carole: *L'empowerment, un nouveau vocabulaire pour parler de participation*, Dans *Idées économiques et sociales* 2013/3 (N° 173), 2013, pp. 25, 32.
11. Trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo nói riêng và phát triển cộng đồng nói chung, “Dân tham gia quyết định” là một chỉ tiêu rất quan trọng, bởi vì, chỉ có người dân mới thấu hiểu loại và mức nguồn lực thực sự của họ. Do vậy, nhóm tác giả bổ sung yếu tố này vào khẩu hiệu.